TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/ HSST
Ngày 26 -9- 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thế Hòa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Ông Nguyễn Quang Huy

2. Bà Lê Thị Thành

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Thao - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Hoàng Anh Huấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2019/HSST ngày 23/8/2019 đối với bị cáo :

Trần Đức H1 - Tên gọi khác : không.

Sinh ngày 08 tháng 7 năm 1998, tại Yên Bái.

ĐKNKTT: Phòng 813 A6, tập thể G, phường G, quận B, TP Hà Nội.

Chỗ ở: Tổ 7, phường H, TP Y, tỉnh Yên Bái.

Nghề nghiệp: Không ; Trình độ văn hoá: 7/12.

Dân tộc : Kinh. Tôn giáo: Không Quốc tịch : Việt N.

Bố đẻ: Trần Anh Đ1 – sinh năm 1977.

Trú tại: Phòng 813 A6, tập thể G, phường G, quận B, TP Hà Nội.

Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Lệ H2 – sinh năm 1978.

Trú tại: Tổ 7, phường H, TP Y, tỉnh Yên Bái.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Tháng 6/2018 bị cáo bị Tòa án nhân dân TP Yên Bái xử phạt 09 tháng tù về tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 22/5/2019 hiện đang bị tạm giam tại trại Tạm giam Công an tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

Các bị hại:

+ Nguyễn Văn Đ2 – sinh năm 1998 .

Địa chỉ: Tổ 5, phường Y, TP. Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

+ Đặng Trung H3 – sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn 8, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

+ Nguyễn Văn H4 – sinh năm 1965.

Địa chỉ: Tổ 13, phường Y, TP Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Trần Xuân P – sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, TP Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

Trịnh Phương N – sinh năm 1999.

Địa chỉ: Tổ 1, phường H, TP Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

Trần Văn H5 – sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ dân phố H1, phường H, TP Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

Trần Quốc T – sinh năm 1960.

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường N, TP Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

Lê Xuân H6 – sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn M, xã T, TP Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

Hà Việt H7 - sinh năm 198

Địa chỉ: Khu tập thể N, phường N, TP N, tỉnh N Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quan hệ bạn bè, thân quen với anh Nguyễn Như T1 từ trước. Khoảng 22 giờ ngày 02/11/2018, Trần Đức H1 và Vũ Thị Phương T2 (T2 là bạn gái của H1) đi taxi đến nhà T1 chơi. Khi chơi ở nhà T1, H1 có gặp Nguyễn Văn Đ2 và Chu Quốc H8. H1 lấy gói ma túy đá (H1 mua từ trước ra mục đích để sử dụng), T1, Đ2, H8 và H1 đi lên tầng hai nhà T1 để sử dụng ma túy còn T2 ngồi ở tầng một nhà T1 chơi điện tử. Đến khoảng 02 giờ sáng ngày 03/11/2018 H1 hỏi mượn xe mô tô của Đ2 nhãn hiệu HONDA Winner màu đen mang biển kiểm soát 21B1-736 64 trị giá 42.300.000 đồng với mục đích mang sữa về cho con của T2 và H1. Đ2 đồng ý rồi đưa chìa khóa xe mô tô cho H1 mượn. Khi mượn được xe mô tô H1 chở T2 đi đến nhà Ninh Xuân P1 để đưa sữa và cho con ngủ tại nhà P1. H1 rủ P1 đến nhà T1 chơi, P1 đồng ý nên H1 chở T2 và P1 đến nhà T1. Khi đến nhà T1, T2 ngủ ở tầng một còn H1 và P1 đi lên tầng hai nhà T1 sử dụng ma túy cùng T1,

Đ2 và H8. Đến khoảng 04 giờ cùng ngày P1 bảo H1 chở về nhà để ngủ nên H1 tiếp tục hỏi mượn xe mô tô của Đ2 để đưa T2 và P1 về nhà P1 ngủ và mang xe quay lại trả cho Đ2 ngay nên Đ2 đồng ý. Khi về đến nhà P1 thì H1 và T2 cùng ngủ lại đó, đến 07 giờ sáng ngày 03/11/2018 H1 ngủ dậy do không có tiền tiêu sài nên H1 nảy ý định mang xe mô tô của Đ2 đi cầm cố. H1 một mình điều khiển xe mô tô đến nhà Bùi Trung H9 (H9 là bạn của H1). Tại nhà H9, H1 gọi điện thoại cho Trần Xuân P thỏa thuận cầm cố chiếc xe mô tô lấy 15.000.000 đồng (P hỏi nguồn gốc chiếc xe mô tô thì H1 nói là của H1). P đồng ý nhận cầm cố nhưng trừ lại 6.500.000 đồng H1 đã vay từ trước và 1.500.000 đồng tiền lãi, H1 đồng ý nên H1 nhờ H9 mang xe mô tô đến cho P và nhận của P 7.000.000 đồng mang về cho H1. Số tiền cầm cố H1 đã tiêu sài hết.

Khoảng 00 giờ ngày 11/11/2018 Trần Đức H1 và Vũ Thị Phương T2 đi taxi đến cửa hàng mua bán điện thoại đi động của Trịnh Phương N để bán chiếc điện thoại di động Iphone 4 của H1 (Lúc này tại cửa hàng của N có N và Trần Trọng T3 là bạn của N). H1 xuống xe trao đổi với N còn T2 ngồi trên xe taxi, khi mua bán xong H1 hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave mang biển kiểm soát 21B1- 786 72 trị giá 18.783.000 đồng (Chiếc xe N mượn của bạn N là Đặng Trung H3) để đưa T2 về và sẽ mang xe trả lại cho N ngay. N đồng ý và đưa xe mô tô cho H1, H1 điều khiển xe mô tô chở T2 về nhà T2 ở tổ dân phố H, phường H, TP. Yên Bái. Do không yên tâm về việc cho H1 mượn xe nên N rủ T3 cùng đi xe mô tô theo sau H1. Khi đến ngõ rẽ vào nhà T2 thì N và T3 đứng đợi ở đầu ngõ, H1 đưa T2 về nhà. Trên đường về nhà T2 xảy ra cãi nhau rồi T2 bỏ về nhà. H1 nảy sinh ý định mang chiếc xe mô tô mượn của N đi cầm cố lấy tiền tiêu sài nên đã điều khiển xe mô tô bỏ đi. Đến 08 giờ sáng ngày 11/11/2018 H1 kiểm tra trong cốp xe mô tô có giấy đăng ký xe mang tên Đặng Trung H3 nên đã điều khiển xe mô tô đến nhà trọ của Trần Xuân P cầm cố xe lấy 11.000.000 đồng. P hỏi nguồn gốc xe thì H1 nói: " xe của H1 mua lại có đăng ký" nên P đồng ý và yêu cầu H1 trích lại 1.000.000 đồng tiền lãi. H1 đồng ý và nhận từ P 10.000.000 đồng rồi để lại xe mô tô cho P. Số tiền trên H1 mang đi tiêu sài hết. Đến ngày 17/11/2018 H1 gọi điện cho Bùi Trung H9 bảo có biết người nào mua xe mô tô thì giới thiệu cho H1 để H1 bán chiếc xe mô tô hiệu HONDA Wave mang biển kiểm soát 21B1- 786 72. H9 giới thiệu anh Trần Văn H5 là người có nhu cầu mua xe mô tô cho H1. H1 đã liên lạc với H5 thỏa thuận mua bán xe mô tô với giá 14.200.000 đồng và hẹn nhau đến nhà nghỉ N để trao đổi. Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày H1, H5 và P gặp nhau tại nhà nghỉ N. Tại đây H1 giao xe mô tô cho H5, H5 nhận xe và giao cho H1: 14.200.000 đồng. H1 nhận tiền rồi trả cho P 11.000.000 đồng đã lấy khi cầm cố chiếc xe, số tiền 3.200.000 đồng H1 tự nguyện cho H9: 200.000 đồng số còn còn lại đã tiêu sài hết. Sau khi mua được xe mô tô H5 mang bán lại xe mô tô cho Trần Quốc T với giá 14.800.000 đồng, sau đó T tiếp tục bán lại cho Lê Xuân H6 với giá 15.800.000 đồng.

Đến khoảng 10 giờ ngày 27/11/2018 Trần Đức H1 một mình đi đến nhà bạn là Bùi Trung H9 ở Tổ dân phố P, phường N, TP Y chơi. Tại đây H1 gặp Hà Việt H7 (H7 là bạn của H9) cũng đến nhà H9 chơi. Đến khoảng 16giờ cùng ngày

H1 hỏi mượn xe mô tô hiệu HONDA Dream màu nâu mang biển kiểm soát 21B1-554 93 trị giá 7.000.000 đồng (H7 mượn Nguyễn Văn H4) của H7 để đi đến xã Â có việc và nói: Sẽ mang xe mô tô quay về trả cho H7 ngay nên H7 đồng ý. Trên đường đi H1 nảy sinh ý định mang chiếc xe mượn của H7 đi cầm cố lấy tiền tiêu sài nên H1 đã điều khiển xe mô tô đến gặp Trần Xuân P. Khi gặp P, H1 nói mới mua chiếc xe để đi lại và muốn cầm cố chiếc xe lấy 5.000.000 đồng, P đồng ý cho H1 cầm cố và thỏa thuận sẽ trích lại 500.000 đồng. H1 đồng ý sau đó P đưa cho H1 4.500.000 đồng. Số tiền H1 nhận của P đã chi tiêu hết cho bản thân.

Sau khi chiến đoạt 03 chiếc xe mô tô Trần Đức H1 đã bỏ trốn. Đến ngày 22/5/2019 H1 đến cơ quan điều tra Công an thành phố Yên Bái để đầu thú.

Tại bản cáo trạng số: 44/CT-VKSTP ngày 21/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái truy tố: Bị cáo Trần Đức H1 về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Đức H1 phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"

Về hình phạt: Áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 175; điểm b. s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Đức H1 từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản ".

Về trách nhiệm dân sự:Buộc bị cáo H1 phải bồi thường cho Trần Xuân P theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, không tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo H1 khai nhận vào các ngày 03; 11 và 27/11/2018 Trần Đức H1 lợi dụng sự quen biết và lòng tin của Nguyễn Văn Đ2, Trịnh Phương N và Hà Việt H7 để mượn 03 chiếc xe mô tô. Sau khi nhận được tài sản

H1 đã không trả lại xe cho Đ2, N và H7 mà mang xe cầm cố, bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Tổng trị giá 03 chiếc xe mô tô bị cáo chiếm đoạt là 68.083.000đồng (Sáu tám triệu không trăm tám mươi ba nghìn đồng). Phù hợp với bản kết luận định giá tài sản, lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nên đã đủ cơ sở kết luận Trần Đức H1 phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện các hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó đã gây mất trật tự, an toàn và trị an cho xã hội. Do vậy cần phải đưa bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Xét nhân thân bị cáo Trần Đức H1 là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Nhận thức rõ được hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Đây thể hiện sự coi thường pháp luật, ý thức tu dưỡng, rèn luyện của bị cáo là rất kém. Cần có hình phạt thỏa đáng tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, thì mới có thể giáo dục, cải tạo, bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội và phòng chống tội phạm nói chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã có một tiền án chưa được xóa án tích và trong các ngày 03; 11 và 27/11/2018 bị cáo ba lần thực hiện hành vi phạm tôi nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm và phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm h, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét tình tiết bị cáo ra đầu thú; thành khẩn khai báo; bị cáo tác động gia đình hoàn trả cho Trần Văn H5 số tiền 14.200.000 đồng; bị hại Nguyễn Văn Đ2 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung : Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có tài sản riêng, không có việc làm, thu nhập không ổn định, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Đối với Trịnh Phương N là người mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave biển kiểm soát 21B1-786.72 của anh Đặng Trung H3 và cho Trần Đức H1 mượn lại. Hà Việt H7 là người mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Dream biển kiểm soát 21B1-554.93 của anh Nguyễn Văn H4 và cho Trần Đức H1 mượn lại, quá trình điều tra xác định N, H7 không liên quan đến hành vi chiếm đoạt tài sản của H1 nên không đề cập xử lý.

[8] Đối với Trần Xuân P là người đã nhận cầm cố 03 chiếc xe mô tô và Bùi Trung H9 là người H1 nhờ mang xe mô tô đến cầm cố cho Trần Xuân P. Quá

trình điều tra xác định P và H9 không biết nguồn gốc tài sản do H1 phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

[9] Đối với Ninh Xuân P1 và Vũ Thị Phương T2 là những người đi cùng Trần Đức H1 nhưng không biết và không tham gia vào hành vi phạm tội của H1 nên không đề cập xử lý.

[10] Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an thành phố Yên Bái đã thu hồi được 03 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Winner màu đen mang biển kiểm soát 21B1-736.64; HONDA Wave màu trắng đen mang biển kiểm soát 21B1-786.72; HONDA Dream màu nâu không biển kiểm soát và đã trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp là Nguyễn Văn Đ2, Đặng Trung H3 và Nguyễn Văn H4.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Giao dịch dân sự giữa Trần Đức H1, Trần Xuân P, Trần Văn H5, Trần Quốc T và Lê Xuân H6 là giao dịch vô hiệu do bị lừa dối. Nay Trần Xuân P yêu cầu bị cáo H1 phải hoàn trả số tiền 18.000.000 đồng, Trần Quốc T yêu cầu Trần Văn H5 phải bồi hoàn trả cho T số tiền 14.800.000đồng là tiền T đã mua chiếc xe mô nhãn hiệu HONDA Wave màu trắng đen mang biển kiểm soát 21B1-786.72. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Trần Xuân P và Trần Quốc T là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

Đối với Trần Văn H5 đã được gia đình bị cáo H1 hoàn trả số tiền 14.200.000 đồng. H5 đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nguyễn Văn H4 yêu cầu Trần Xuân P là người đã sử dụng xe mô tô HONDA Dream màu nâu làm phương tiện đi lại và làm rơi mất biển kiểm soát của xe mô tô phải bồi thường tiền làm lại biển kiểm soát là 1.000.000 đồng. P đã tự nguyện bồi thường cho H4: 1.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Lê Xuân H6 là người mua lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave màu trắng đen mang biển kiểm soát 21B1-786.72 của Trần Quốc T với giá 15.800.000 đồng đã bị Cơ quan điều tra Công an thành phố Yên Bái thu hồi chiếc xe để trả cho chủ sở hữu. Trần Quốc T tự nguyện bồi thường số tiền trên cho H6. H6 đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu gì thêm nên Hội Đồng xét xử không xem xét.

[12] Trần Đức H1 đã khai nhận mua ma túy của một người đàn ông nhưng H1 không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể. Sau đó mang đến nhà Nguyễn Như T1 để sử dụng cùng T1, Nguyễn Văn Đ2, Chu Quốc H8 và Ninh Xuân P1. Tuy nhiên H1 không rủ và lôi kéo những người này. Hành vi của H1 không đủ yếu tố cấu thành tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra Công an

thành phố Yên Bái đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trần Đức H1, Nguyễn Như T1 và Ninh Xuân P1. Giao Chu Quốc H8 và Nguyễn Văn Đ2 cho Công an phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái lập hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường là phù hợp.

[13] Về án phí và các vấn đề khác:

Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm. Trần Văn H5 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, các bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Đức H1 phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản ".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoảng 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Đức H1 02(Hai) năm 06(Sáu) tháng tù.Thời hạn tù tính từ ngày bắt 22/5/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 127; 131 Bộ luật dân sự; Điều 357; 468; 584, 585, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Trần Đức H1 phải hoàn trả cho Trần Xuân P số tiền 18.000.000đồng (Mười tám tiệu đồng).

Trần Văn H5 có trách nhiệm hoàn trả cho Trần Quốc T số tiền 14.800.000 đồng (Mười bốn triệu tám trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật Trần Xuân P, Trần Quốc T có đơn yêu cầu thi hành án. Bị cáo Trần Đức H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn H5 chưa thi hành xong khoản tiền hoàn trả nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về "Án phí và lệ phí Tòa án". Buộc bị cáo Trần Đức H1 phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 900.000 đồng (Chín trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trần Văn H5 phải chịu 740.000đồng (Bẩy trăm bốn mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm bị cáo Trần Đức H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại: Nguyễn Văn Đ2, Đặng Trung H3 và Nguyễn Văn H4 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Trần Xuân P, Trịnh Phương N, Trần Văn H5, Trần Quốc T, Lê Xuân H6 và Hà Việt H7 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thế Hòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
-VKSND thành phố Yên Bái;
-THADS thành phố Yên Bái;
-Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái;
- Công an thành phố Yên Bái;
- Bị cáo, các bị hại,
-Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Lưu: Hs, TA, THA.